

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN TIỀN HẢI
Số: 457 /TM-BVTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Hải, ngày 01 tháng 08 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Công ty kinh doanh vị thuốc cổ truyền trên toàn quốc

Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải xin gửi tới Quý công ty lời chào trân trọng.

Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải có kế hoạch triển khai gói thầu mua sắm Vị thuốc cổ truyền phục vụ cho công tác điều trị tại Bệnh viện.

Để có cơ sở xây dựng dự toán, kinh phí mua sắm, Bệnh viện kính mời các công ty quan tâm có đủ năng lực, kinh nghiệm và có khả năng cung ứng gửi báo giá đối với danh mục Vị thuốc cổ truyền, như sau:

Danh mục báo giá: Chi tiết theo phụ lục I kèm theo.

Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí (nếu có).

Biểu mẫu báo giá: Theo phụ lục II kèm theo.

Địa điểm nhận báo giá: Phòng văn thư – Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải

Địa chỉ: Xã Tây Giang, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

Điện thoại : 0227 3823373

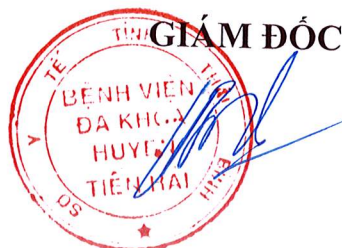
Email: khoaduocbvntth@gmail.com

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 01/08/2023 đến trước 16 giờ 00 phút ngày 15/08/2023.

Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, KD.



Trần Văn Bội

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Email:.....

BIỂU CHÀO GIÁ

Vị thuốc cổ truyền

Theo Thông báo số: /TĐ-TB-BVTH ngày 18 tháng 07 năm 2023 của BVĐK huyện Tiền Hải

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải)

STT	STT theo TT 05	Tên thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Nguồn gốc	Tên nhà thầu	Phân nhóm	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp chế biến	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (tuổi thọ)	Số giấy ĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất/ cung cấp	Đơn vị tính (gam)	CTCP Đông Y Dược ...	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	143	Ba kích	Rễ	Radix Morindae officinalis			2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS	S							26,000	
2	1	Bạch chỉ	Rễ	Radix Angelicae dahuricae			2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS	S							12,000	
3	110	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Thê quả nấm	Poria			2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS	P							47,000	
4	133	Bạch thược	Rễ	Radix Paeoniae lactiflorae			2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS	P							70,000	
5	153	Bạch truật	Rễ	Radix Paeoniae lactiflorae			2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS	P							45,000	
6	140	Bán hạ bắc	Củ	Rhizoma Pinelliae			2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS	S							10,000	

7	78	Bồ công anh	Phần trên mặt đất	Herba Lactucae							S	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS					3,000	
8	154	Cam thảo	Rễ	Radix et Rhizoma Glycyrrhizae							S	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS					45,000	
9	6	Cát căn	Rễ	Radix Puerariae thomsonii							S	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS					30,000	
10	156	Cát cánh	Rễ	Radix Platycodi grandiflori							S	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS					5,000	
11	68	Câu đằng	Cành	Ramulus cum unco Uncariae							S	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS					10,000	
12	138	Câu kỷ tử	Quả	Fructus Lycii							S	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS					66,000	
13	144	Cầu tích	Thân rễ	Rhizoma Cibotii							P	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS					65,000	
14	102	Chi tử	Quả	Fructus Gardeniae							P	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS					20,000	
15	210	Cò xước	Rễ	Radix Achyranthis asperae							P	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc TCCS					10,000	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Phụ lục I

DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN MỜI CHÀO GIÁ

Đính kèm Thông báo số: /TM-BVTH ngày 01 tháng 08 năm 2023 của BVĐK huyện Tiền Hải

STT	STT theo TT 05	Tên thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Nguồn gốc	Phân nhóm	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	143	Ba kích	Rễ	Radix Morindae officinalis		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	26,000	
2	1	Bạch chỉ	Rễ	Radix Angelicae dahuricae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	12,000	
3	110	Bạch linh (Phục linh. Bạch phục)	Thê quả nấm	Poria		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	47,000	
4	133	Bạch thược	Rễ	Radix Paeoniae lactiflorae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	70,000	
5	153	Bạch truật	Rễ	Radix Paeoniae lactiflorae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	45,000	
6	140	Bán hạ bắc	Củ	Rhizoma Pinelliae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	10,000	
7	78	Bồ công anh	Phần trên mặt đất	Herba Lactucae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	3,000	

STT	STT theo TT 05	Tên thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Nguồn gốc	Phân nhóm	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	154	Cam thảo	Rễ	Radix et Rhizoma Glycyrrhizae		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	45,000	
9	6	Cát căn	Rễ	Radix Puerariae thomsonii		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	30,000	
10	156	Cát cánh	Rễ	Radix Platycodi grandiflori		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	5,000	
11	68	Câu đằng	Cành	Ramulus cum unco Uncariae		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	10,000	
12	138	Câu kỷ tử	Quả	Fructus Lycii		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	66,000	
13	144	Cẩu tích	Thân rễ	Rhizoma Cibotii		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	65,000	
14	102	Chi tử	Quả	Fructus Gardeniae		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	20,000	
15	210	Cỏ xước	Rễ	Radix Achyranthis asperae		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	10,000	

STT	STT theo TT 05	Tên thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Nguồn gốc	Phân nhóm	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
16	145	Cốt toái bổ	Thân rễ	Rhizoma Drynariae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	38,000	
17	7	Cúc hoa	Nụ hoa	Flos Chrysanthemi indicis		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	4,000	
18	60	Đại hồi	Quả	Fructus Illicii veri		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	30,000	
19	155	Đại táo	Quả	Fructus Ziziphi jujubae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	79,000	
20	90	Đan sâm	Rễ	Radix Salviae miltiorrhizae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	53,000	
21	156	Đảng sâm	Rễ	Radix Codonopsisii		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	83,000	
22	84	Diệp hạ châu	Toàn cây	Herba Phyllanthi		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	20,000	
23	147	Đỗ trọng	vỏ thân	Cortex Eucommiae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	68,000	

STT	STT theo TT 05	Tên thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Nguồn gốc	Phân nhóm	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
24	14	Độc hoạt	Rễ	Radix Angelicae pubescentis		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	21,000	
25	134	Đương quy (Toàn quy)	Rễ	Radix Angelicae sinensis		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	81,000	
26	135	Hà thủ ô đỏ	Rễ	Radix Fallopiae multiflorae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	30,000	
27	196	Hậu phác	Vỏ thân	Cortex Magno liae officinalis		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	20,000	
28	157	Hoài sơn	Rễ củ	Tuber Dioscoreae persimilis		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	42,000	
29	114	Hoàng bá	vỏ thân	Cortex Phellodendri		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	2,000	
30	117	Hoàng đằng	Toàn cây	Caulis et Radix Fibraureae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	10,000	
31	334	Hoàng kỳ	Rễ	Radix Astragali		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	48,000	

STT	STT theo TT 05	Tên thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Nguồn gốc	Phân nhóm	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
32	106	Hòe hoa	Hoa	Flos Styphnolobii japonici		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	15,000	
33	92	Hồng hoa	Hoa	Flos Carthami tinctorii		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	9,000	
34	44	Huyền sâm	Rễ	Radix Scrophulariae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	14,000	
35	39	Hy thiêm	phần trên mặt đất	Herba Siegesbeckiae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	15,000	
36	96	Kê huyết đằng	Thân	Caulis Spatholobi		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	15,000	
37	17	Khương hoạt	Thân rễ	Rhizoma et Radix Notopterygii		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	15,000	
38	91	Kim ngân hoa	Hoa	Flos Lonicerae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	2,000	
39	2	Lạc tiên	Phần trên mặt đất	Herba Passiflorae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	46,000	

STT	STT theo TT 05	Tên thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Nguồn gốc	Phân nhóm	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
40	92	Liên kiều	Quả	Fructus Forsythiae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	2,000	
41	127	Liên nhục	Hạt	Semen Nelumbinis		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	26,000	
42	136	Long nhãn	Lớp áo hạt	Arillus Longan		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	20,000	
43	284	Ma hoàng	Phần trên mặt đất	Herba Ephedrae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	1,000	
44	133	Mẫu đơn bì	Vỏ rễ	Cortex Paeoniae suffruticosa e radicis		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	10,000	
45	200	Mộc hương	Rễ	Radix Saussureae lappae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	3,000	
46	18	Mộc qua	Quả	Fructus Chaenomeles speciosae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	2,000	
47	63	Ngô thù du (ngô thù du chế)	Quả	Fructus Evodiae rutaecarpae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	10,000	

STT	STT theo TT 05	Tên thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Nguồn gốc	Phân nhóm	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
48	102	Ngũ vị tử.	Quả	Fructus Schisandrae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	10,000	
49	100	Ngưu tất	Rễ	Radix Achyranthis bidentatae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	75,000	
50	124	Nhân trần	Toàn cây trừ rễ	Herba Adenosmatis caerulei; Herba Artemisiae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	19,000	
51	21	Phòng phong	Rễ	Radix Saposhnikoviae divaricatae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	74,000	
52	67	Phụ tử (chế)	Rễ củ	Radix Aconitil lateralis praeparata		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	10,000	
53	3	Quế chi	Cành	Ramulus Cinnamomi		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	41,000	
54	32	Quế nhục	Vỏ thân	Cortex Cinnamomi		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	25,000	
55	205	Sa nhân	Quả	Fructus Amomi		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	2,000	

STT	STT theo TT 05	Tên thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Nguồn gốc	Phân nhóm	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
56	141	Sa sâm	Rễ	Radix Glehniae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	15,000	
57	11	Sài hồ	Rễ	Radix Bupleuri		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	15,000	
58	135	Sinh địa	Rễ củ	Radix Rehmanniae glutinosae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	30,000	
59	290	Sơn thù (tử sơn thù)	Quả	Fructus Corni officinalis		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	15,000	
60	24	Tần giao	Rễ	Radix Gentianae macrophyllae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	43,000	
61	49	Tang chi	Cành	Ramulus Mori albae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	15,000	
62	28	Tang diệp	Lá	Folium Mori albae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	5,000	
63	23	Tang ký sinh	Toàn cây trừ rễ	Herba Lorantheae gracilifoliae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	67,000	

STT	STT theo TT 05	Tên thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Nguồn gốc	Phân nhóm	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
64	75	Táo nhân	Hạt	Semen Ziziphi mauritiana		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	32,000	
65	9	Tế tân	Rễ	Radix Asari		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	13,000	
66	29	Thăng ma	Thân rễ	Rhizoma Cimicifigae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	5,000	
67	25	Thiên niên kiện	Thân rễ	Rhizoma Homalomenae occultae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	20,000	
68	39	Thổ phục linh	Thân rễ	Rhizoma Smilacis glabrae		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	46,000	
69	137	Thục địa	Rễ	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	80,000	
70	124	Thương truật	Thân rễ	Rhizoma Atractylodis		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	24,000	
71	116	Trạch tả	Thân rễ	Rhizoma Alismatis		2	ĐDVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	7,000	

STT	STT theo TT 05	Tên thuốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Nguồn gốc	Phân nhóm	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
72	89	Trần bì	Vỏ quả	Pericarpium Citri reticulatae perenne		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	20,000	
73	109	Tri mẫu	Thân rễ	Rhizoma Anemarrhenae		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	4,000	
74	327	Tục đoạn	Rễ	Radix Dipsaci		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	43,000	
75	189	Viễn chí	Rễ	Radix Polygalae		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	10,000	
76	137	Xích thược	Rễ	Radix Paeoniae		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc	Gam	26,000	
77	105	Xuyên khung	Thân rễ	Rhizoma Ligustici wallichii		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc TCCS	Gam	82,000	
78	118	Ý dĩ	Hạt	Semen Coicis		2	ĐBVN V hoặc tương đương hoặc TCCS	Gam	31,000	